

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2025
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình về ly hôn, con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Ông Nguyễn Quốc Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm: 1993, căn cước công dân số 072193012728; Địa chỉ: Số A hẻm A Đường Q, ấp B, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Có mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Số A hẻm A Đường Q, ấp B, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thu H trình bày:

Bà H và ông Nguyễn Anh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn số 168/2012 quyền số 01/2012 ngày 26/10/2012 của UBND xã L, huyện H nay là thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống, từ năm 2017, ông T đi làm xa rất ít khi gọi điện thoại cho vợ con. Khi bà H gọi cho ông T thì ông T có thái độ rất hờ hững cho rằng bà H gọi điện thoại nhiều quá. Có nhiều lần bà H gọi điện cho ông T vào đem muộn thì người phụ nữ khác bắt máy nên giữa bà H và ông T rạn nứt

tình cảm do bà H nghi ngờ ông T không chung thủy. Từ năm 2017 tới nay, bà H chung sống cùng gia đình chồng nhưng ông T không về thăm bà H và gia đình lần nào. Bà H nhận thấy không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 11/7/2012 và cháu Nguyễn Như Ý, sinh ngày 24/10/2014. Bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Anh T không có ý kiến trình bày, không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành trình bày:

+ Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân của bà H và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết bà H có ý kiến được ly hôn, ông T biết việc bà H yêu cầu ly hôn nhưng không có thiện chí hòa giải, hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 11/7/2012 và cháu Nguyễn Như Ý, sinh ngày 24/10/2014. Bà H có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cả 02 con chung đều do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T đi làm xa 08 năm không về nhà, khi biết bà H yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, ông T không có ý kiến phản đối nên chấp nhận yêu cầu của bà H. Về cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu nên ghi nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp, qua kết quả thẩm tra các tài liệu chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà H khởi kiện ông T về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T cư trú tại thị xã H, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông T được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn số 168/2012 quyền số 01/2012 ngày 26/10/2012 của UBND xã L, huyện H nay là thị xã H, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân của bà H và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của của bà H về việc được ly hôn với ông T do tình cảm vợ chồng rạn nứt, ông T bỏ vợ con đi làm xa khoảng 08 năm nhưng không về thăm gia đình lần nào, chỉ liên lạc qua điện thoại. Xét thấy, từ năm 2017 ông T đã đi làm xa và không trở về nhà thăm gia đình vợ con lần nào, việc này có mẹ ruột của ông T xác nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, hòa giải nhưng bà H cho rằng đã quá mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng, không thể nào chung sống với ông T nữa. Khi biết bà H muốn ly hôn, ông T cũng không trở về giải quyết các mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân do khoảng cách đi làm xa, tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng mà bỏ mặc. Quan hệ hôn nhân, xây dựng gia đình là mối quan hệ tự nguyện của hai bên được gắn kết bởi tình cảm yêu thương nhau, cùng chí hướng giữa vợ - chồng, việc bà H không còn tình cảm với ông T, không muốn cùng ông T xây dựng gia đình thể hiện giữa vợ - chồng đã có mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa họ không thể hàn gắn được; việc buộc họ kéo dài đời sống hôn nhân cũng không đạt được mục đích xây dựng gia đình tốt đẹp theo tinh thần của pháp luật và xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 55, 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, cho bà H được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 11/7/2012 và cháu Nguyễn Như Ý, sinh ngày 24/10/2014. Bà H có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc trực tiếp chăm sóc 02 con từ năm 2017 tới nay là do bà H đảm nhận. Hiện tại ông T đang đi làm xa và cũng không có ý kiến về việc muốn được trực tiếp nuôi con chung nên chấp nhận yêu cầu của bà H; giao 02 con chung cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, trông nom, giáo dục. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 83, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H đối với ông Nguyễn Anh T về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, con chung”.

Cho bà Trần Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Anh T. Bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Anh T chấm dứt quan hệ vợ chồng.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 168/2012 quyển số 01/2012 ngày 26/10/2012 của UBND xã L, huyện H nay là thị xã H, tỉnh Tây Ninh giữa ông Nguyễn Anh T và bà Trần Thị Thu H **hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.**

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 11/7/2012 và cháu Nguyễn Như Ý, sinh ngày 24/10/2014 cho bà Trần Thị Thu H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận bà Trần Thị Thu H không yêu cầu ông Nguyễn Anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định pháp luật, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008311 ngày 03/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Bà Trần Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

5. Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- THADS thị xã Hòa Thành;
- Đương sự;
- UBND xã Long Thành Nam, TX. Hòa Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thanh Hoa